

Bản án số: 109/2026/HC-PT

Ngày: 26/3/2026

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông **Lê Văn Thường**

Các thẩm phán: ông **Phùng Anh Dũng**

 ông **Đặng Kim Nhân**

- Thư ký phiên tòa: ông **Nguyễn Duy Hoàng** – Thẩm tra viên Tòa Phúc thẩm
Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia
phiên tòa:** bà **Bùi Ngô Ý Nhi** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao
tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 168/2025/TLPT-
HC ngày 27 tháng 10 năm 2025 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh
vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2025/HC- ST ngày 28
tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Trần Tấn H, sinh năm: 1985, địa chỉ: Thôn K,
xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi (nay thôn K, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi); có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thúy H1; địa chỉ: H N, xã T,
tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

- Người bị kiện:

+ Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Chủ tịch UBND huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện: Chủ tịch và UBND
xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi, cùng địa chỉ: Xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: UBND xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

+ Công ty Cổ phần N2; xin xét xử vắng mặt.

+ Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Xuân K – Trưởng Phòng Bồi thường – GPMB – Đo đạc và định giá đất; địa chỉ: E Q, phường C, tỉnh Quảng Ngãi; có đơn xét xử vắng mặt.

+ Bà Trần Thị T, sinh năm: 1954; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Trần Tấn P, sinh năm: 1977; có đơn xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Trần Tấn T1, sinh năm: 1982; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Trần Tấn Đ, sinh năm: 1988; có đơn xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Trần Tấn D, sinh năm: 1980; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Q (nay là Thôn T, xã P, tỉnh Quảng Ngãi).

+ Bà Nguyễn Trần Thị Cẩm H2, sinh năm: 1990, địa chỉ liên hệ: Thôn K, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Kỳ T, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi); có đơn xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: người khởi kiện ông Nguyễn Trần Tấn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Ngày 06/4/2023, UBND tỉnh Q có Quyết định số 241/QĐ-UBND về việc chấp thuận chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật công trình Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm C - Hành Minh, huyện N (sau đây gọi tắt là **Dự án Cụm công nghiệp**) cho Công ty TNHH X (nay là Công ty cổ phần B theo Quyết định số 708/QĐ-UBND ngày 24/07/2023 của UBND tỉnh).

Ngày 21/4/2023, UBND huyện N ban hành Thông báo số 217/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án Cụm Công nghiệp, diện tích thu hồi 105.688,6m², gồm 22 thửa đất trong đó có thửa đất số **726**, diện tích 31.394m² tờ bản đồ địa chính số 13 (tờ bản đồ địa chính khu đất số 1), loại đất RSX, xã H.

Ngày 27/10/2023, UBND huyện N ban hành Quyết định số **6422/QĐ-UBND** về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án Cụm Công nghiệp, qua đó thu hồi đất 99.766,2m², gồm 15 thửa đất thuộc tờ bản đồ địa chính số 13 (tờ bản đồ địa chính khu đất số 1), trong đó có thửa đất số **726**, diện tích 31.394m², loại đất RSX, diện tích quy hoạch thu hồi là 27.625,2m².

Trong ngày, UBND huyện N ban hành Quyết định số 6410/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án, dự toán bồi thường, hỗ trợ Dự án Cụm Công nghiệp. Theo đó, ông Nguyễn Trần Tấn H giá trị bồi thường, hỗ trợ là **0 đồng**.

Lý do mà ông không được bồi thường, theo Báo cáo số 369/BC-TTPTQĐ của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi thì căn cứ Công văn 179/UBND ngày

03/07/2023 của UBND xã H xác nhận: “*Nguyên thừa đất là đất rừng 388 của Công ty N2 được UBND tỉnh thu hồi tại Quyết định thu hồi số 529/QĐ- UBND ngày 19/10/2016 giao cho UBND xã quản lý và phân chia lại cho dân; hộ ông Nguyễn Trần Tấn H (con bà Trần Thị T - H) chiếm sử dụng trồng cây; Hiện UBND xã chưa phân chia, giao lại cho dân*”.

Từ đó, cơ quan chức năng căn cứ khoản 1 Điều 64, điểm d khoản 1 Điều 65, Điều 75, Điều 82, khoản 1 Điều 88 và Điều 92 Luật Đất đai 2013 để cho rằng ông Nguyễn Trần Tấn H sử dụng đất có nguồn gốc do UBND xã quản lý, chưa giao, chưa cho thuê là vi phạm pháp luật về đất đai nên chưa đủ điều kiện để được bồi thường, hỗ trợ về đất và trồng cây trên đất Nhà nước quản lý thuộc trường hợp tài sản tạo lập trái quy định pháp luật nên không đủ điều kiện được bồi thường.

Những nhận định nêu trên và việc UBND huyện N không bồi thường cho ông là không đúng quy định. Vậy nên, ngày 25/3/2024, ông đã có đơn khiếu nại lần đầu tới Chủ tịch UBND huyện N. Ngày 26/4/2024, ông có làm việc với Thanh tra huyện N để xác định lại nội dung, chủ thể khiếu nại.

Ngày 01/7/2024, Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 2441/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Nguyễn Trần Tấn H. Theo đó, Quyết định số 2441 nêu, “*không công nhận nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Trần Tấn H khiếu nại hành vi hành chính của UBND huyện N,...*” và “*trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu ông Nguyễn Trần Tấn H không đồng ý với giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện thì có quyền khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính*”.

Ông cho rằng, việc thu hồi đất của ông để thực hiện Dự án Cụm Công nghiệp nhưng không bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi là không đúng với quy định của pháp luật; cũng như nội dung mà UBND xã H cho rằng gia đình ông lấn chiếm đất trồng cây là không đúng với thực tế sử dụng đất của gia đình ông, cũng như bản chất sự việc.

Thứ nhất, về nguồn gốc thửa đất số **726**, tờ bản đồ số 13, trích đo Dự án 01, diện tích 31.394,0m², loại đất RSX bị thu hồi của gia đình ông.

Nguyên nguồn gốc thửa đất rừng bị thu hồi nêu trên là của bố ông là ông Nguyễn Văn S (thương binh 2/4, đã mất) khai hoang, vỡ đất, phủ xanh đất trống đồi trọc từ năm 1987. Tại vùng H - Đồi 1, Đồi 2 và núi B thuộc thôn K, xã H, bố ông đã tiến hành trồng khoai lang, khoai mì, để có thể nuôi sống được cả gia đình. Thời điểm do thiếu sự hiểu biết pháp luật, không biết về các quy trình đăng ký, xác lập quyền sử dụng, nên ông, mẹ ông chưa tiến hành được các thủ tục với cơ quan nhà nước để ghi nhận là người sử dụng đất đối với thửa đất rừng khai hoang.

Từ những năm 1997 - 2009, bố ông có nhận giao khoán, quản lý, bảo vệ, thu hoạch, giao nộp sản phẩm với diện tích gần 20 hec-ta cây Đào cho Lâm trường Nghĩa Hành (sau là Công ty Cổ phần N2) trên phần diện tích đất mà bố ông đã khai hoang. Theo đó, bố ông nhận cây giống từ Lâm trường Nghĩa Hành trồng cây, khi thu hoạch thì giao nộp sản phẩm cho Lâm trường, phần dư dôi thì thuộc gia đình ông. Đồng thời, cũng trong thời gian đó bố ông vẫn tiếp tục khai hoang, vỡ đất, mở rộng diện tích đối với những vùng đất không có cây đào hoặc cây đào chết để trồng khoai lang, mì và cây keo hạt, keo lai.

Được biết năm 2009, do việc hoạt động kinh doanh của Công ty N2 không còn hiệu quả, nên Công ty đã không còn có nhu cầu thu mua đào nữa, gia đình ông cũng đã ngưng việc giao khoán với Công ty.

Ngày 16/01/2009, cha ông là ông Nguyễn Văn S đã thu mua lại toàn bộ cây đào với diện tích 19ha tại rừng Y (vùng H) thôn K, xã H với số tiền 30 triệu đồng, có bút phê của ông Huỳnh C - Giám đốc Công ty Cổ phần N2 (là phần diện tích đất mà gia đình ông đang canh tác).

Mặc dù, không còn nguồn thu nhập từ việc giao khoán với Công ty nhưng gia đình ông vẫn tiếp tục quản lý, sử dụng, trồng trọt, khai thác cây (trồng thêm cây keo) từ thời điểm 2009 đến thời điểm bây giờ và không có tranh chấp về diện tích đất với bất kỳ ai. Nghề trồng cây keo cũng có thể nói là một nghề tạo ra nguồn thu nhập chính, nuôi sống cho cả gia đình ông từ xưa cho đến thời điểm hiện nay.

Sau khi mua lại toàn bộ cây nêu trên, bố ông cho ông tiếp quản, canh tác toàn bộ phần diện tích thửa đất số 726 này, còn các phần diện tích đất còn lại bố ông phân chia cho con. Thửa đất mà ông sử dụng có tứ cận: phía Bắc và phía Tây giáp đất của ông Nguyễn Trần Tấn T1; phía Nam và phía Đông giáp đất bà Trần Thị T.

Từ năm 2009 - 2016, Công ty Cổ phần N2 trả lại đất (trong đó có phần đất mà Công ty đang quản lý sử dụng và phần đất mà các hộ dân đang canh tác) và UBND tỉnh Q đã thực hiện việc thu hồi đất thành 02 đợt; Đợt 1: năm 2009 có Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 13/02/2009; Đợt 2: năm 2016 có Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 19/10/2016.

Nội dung chính của Quyết định số 80 và Quyết định số 529 là thu hồi đất của Công ty Cổ phần N2, giao cho UBND các xã: Hành Đức, H, H, huyện N để quản lý và lập phương án đưa vào sử dụng. Phương án đưa vào sử dụng là giao đất cho người dân tại địa phương, đảm bảo tính công bằng và đúng quy định.

Theo Quyết định nêu trên thì UBND tỉnh có chính sách, tạo điều kiện để người dân đang sử dụng, canh tác được tổ chức giao nhận đất; từ việc giao nhận đất thì người sử dụng đất sẽ được tiến hành các thủ tục tiếp theo để ghi nhận là người sử dụng đất thông qua việc được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Khi khiếu nại tới UBND huyện Nghĩa Hành thì ông mới biết và tiếp cận được thông tin về việc các cơ quan cho rằng thửa đất 726 mà ông đang sử dụng thì UBND tỉnh Q thu hồi của Công ty Cổ phần N2 vào năm 2016.

Như vậy, thửa đất 726 mà ông đang canh tác, có sự chồng lấn và được cấp cho Công ty Cổ phần N2; vậy nên, UBND tỉnh khi thu hồi cho rằng là các hộ dân lấn chiếm. Phương án để đảm bảo quyền lợi người dân được UBND tỉnh đưa ra là giao cho UBND huyện, xã bố trí, giao đất cho người dân đang sử dụng. Tuy nhiên, gia đình ông vẫn chưa được UBND huyện bố trí, thực hiện thủ tục để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thứ hai, sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật đất đai về thu hồi đất

Như ông đã trình bày nêu trên, thửa đất số 726 do gia đình ông khai hoang, cải tạo, quản lý, sử dụng, không có tranh chấp với bất kỳ ai, sử dụng lâu dài từ năm 1987 đến nay đã 37 năm. Đồng thời, UBND tỉnh Q cũng đã ban hành Quyết định số 80,

Quyết định số 529 về việc giao đất cho UBND huyện N quản lý đất nông nghiệp và lập Phương án giao đất cho hộ gia đình, cá nhân trong vùng đất sản xuất.

Trong Quyết định cũng đã nêu rõ các thửa đất rừng thuộc địa phận xã H (chứ không phải thuộc quyền sở hữu của UBND xã H), đồng thời quyết định cũng chỉ đạo, yêu cầu UBND xã H lập phương án giao cho dân quản lý, sử dụng. Tuy nhiên, đến nay UBND xã H vẫn chưa triển khai, thực hiện làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông.

Đối chiếu với quy định tại Điều 101 Luật Đất đai 2013 về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất, thể hiện:

“7. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà không có các giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này, có hộ khẩu thường trú tại địa phương và trực tiếp sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận là người đã sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và không phải nộp tiền sử dụng đất”.

Tại khoản 3 Điều 23 Nghị định 43/2014/NĐ-CP về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đã được giao không đúng thẩm quyền: *“3. Trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền đã được sử dụng ổn định từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014, không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại Khoản 2 Điều 20 của Nghị định này”.*

Điều 5 Luật Đất đai 2013: *“Người sử dụng đất được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của Luật này, bao gồm: ...2. Hộ gia đình, cá nhân trong nước (sau đây gọi chung là hộ gia đình, cá nhân)”.*

Như vậy, cá nhân sử dụng đất, có hộ khẩu thường trú tại địa phương, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp (cụ thể ở đây trồng cây lâu năm - cây keo), sử dụng ổn định, không có tranh chấp thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (kể cả trong trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền).

Bên cạnh đó, hiện nay pháp luật đất đai cũng có các quy định mới để bảo vệ người sử dụng đất, canh tác, sử dụng đất ổn định, có công tôn tạo đất thông qua việc ghi nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ thể:

Tại Điều 20 Nghị định 43/2014/NĐ-CP, về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất và không vi phạm pháp luật đất đai: *“5. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định vào mục đích thuộc nhóm đất nông nghiệp từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đất không có tranh chấp thì được công nhận quyền sử dụng đất”.*

Tại Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP về căn cứ xác định việc sử dụng đất ổn định: “7. *Sử dụng đất ổn định là việc sử dụng đất liên tục vào một mục đích chính nhất định kể từ thời điểm bắt đầu sử dụng đất vào mục đích đó đến thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc đến thời điểm quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với trường hợp chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận).*”

Theo quy định tại Điều 13 Nghị định 47/2014/NĐ-CP, khi thu hồi đất (kể cả trong trường hợp người sử dụng đất không có giấy tờ về đất đai, hoặc giao đất không đúng thẩm quyền) thì người sử dụng đất được bồi thường, hỗ trợ về đất đối với phần diện tích đất bị thu hồi. Ngoài ra, theo quy định tại Điều 88 Luật Đất đai 2013 quy định về nguyên tắc bồi thường thiệt hại về tài sản, ngừng sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất có thể hiện rõ, khi nhà nước thu hồi đất mà chủ sở hữu tài sản hợp pháp gắn liền với đất bị thiệt hại về tài sản thì được bồi thường. Vậy nên các tài sản trên đất (cây trồng) của ông vẫn được bồi thường.

Trong khi đó, gia đình ông lại không được bồi thường bất kỳ khoản tiền bồi thường, hỗ trợ nào là hoàn toàn không phù hợp với quy định pháp luật.

Việc cơ quan nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án nhằm phát triển kinh tế - xã hội với tư cách là công dân, ông hoàn toàn đồng ý thực hiện theo chính sách. Tuy nhiên, khi thực hiện việc thu hồi đất thì phải có chính sách hỗ trợ, bồi thường cho người sử dụng đất. Do đó, ông kính đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết:

1. Huỷ một phần Quyết định số 6422/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 của UBND huyện N về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm C - H, huyện N; trong đó có phần diện tích đất thu hồi thửa đất số 726, tờ bản đồ số 13 (tờ bản đồ địa chính khu đất số 1), diện tích 31.394m², loại đất RSX, xã H (diện tích thuộc Dự án là: 27.625,2m²).
2. Huỷ một phần Quyết định số 6410/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 của UBND huyện N về việc phê duyệt phương án, dự toán bồi thường, hỗ trợ Dự án Cụm C - H, huyện N; trong đó có phần diện tích đất thu hồi thửa đất số 726, tờ bản đồ số 13 (tờ bản đồ địa chính khu đất số 1), diện tích 31.394m², loại đất RSX, xã H (diện tích thuộc Dự án là: 27.625,2m²).
3. Hủy Quyết định số 2441/QĐ-UBND ngày 01/7/2024 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Trần Tấn H.
4. Buộc UBND huyện N thực hiện nhiệm vụ công vụ lập thủ tục thu hồi, bồi thường, hỗ trợ về đất đối với thửa đất 726, tờ bản đồ số 13, xã H cho ông Nguyễn Trần Tấn H theo đúng quy định pháp luật.

** Tại Văn bản số 2782/UBND ngày 13/11/2024, và trong quá trình tham gia tố tụng, người bị kiện, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện (UBND, Chủ tịch UBND huyện N), người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (UBND xã H) trình bày:*

Ông Nguyễn Trần Tấn H khiếu nại hành vi hành chính của UBND huyện N về việc thu hồi thửa đất số 726, diện tích 31.394m², tờ bản đồ địa chính số 13 (*tờ bản đồ địa chính khu đất số 1*), loại đất RSX, xã H (*diện tích thuộc dự án là 27.625,2m²*) để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm C - H, huyện N, địa điểm: xã H, huyện N nhưng không thực hiện trình tự, thủ tục thu hồi và bồi thường, hỗ trợ cho ông theo quy định của pháp luật.

Ông cho rằng thửa đất số 726, diện tích 31.394m², tờ bản đồ địa chính số 13 (*tờ bản đồ địa chính khu đất số 1*), loại đất RSX, xã H do cha ông là ông Nguyễn Văn S (*tên thường gọi là Nguyễn Tấn T2*) khai hoang từ năm 1987 để trồng khoai lang, khoai mì. Đến năm 2009, cha ông giao cho ông để trồng cây keo và ông sử dụng ổn định, không tranh chấp từ đó đến nay, nên đủ điều kiện được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

Ông Nguyễn Trần Tấn H yêu cầu Nhà nước thực hiện bồi thường, hỗ trợ cho ông khi thu hồi thửa đất số 726, diện tích 31.394m², tờ bản đồ địa chính số 13 (*tờ bản đồ địa chính khu đất số 1*), loại đất RSX, xã H (*diện tích thuộc dự án là 27.625,2m²*) để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm C - H, huyện N.

Để giải quyết yêu cầu của ông Nguyễn Trần Tấn H, UBND huyện đã giao Thanh tra huyện xác minh vụ việc và ban hành Quyết định số 2441/QĐ-UBND ngày 28/6/2024 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Nguyễn Trần Tấn H (*Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi*).

Đối với các nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Trần Tấn H: UBND huyện không thống nhất với các nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Trần Tấn H.

Việc UBND huyện ban hành các Quyết định số 6422/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm C - H, huyện N; Quyết định số 6410/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 về việc phê duyệt dự toán, phương án bồi thường, hỗ trợ dự án: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm C - H, huyện N và Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 2441/QĐ-UBND ngày 28/6/2024 về việc giải quyết khiếu nại (*lần đầu*) của ông Nguyễn Trần Tấn H (*Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi*) là đúng quy định của pháp luật.

** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị T, ông Nguyễn Trần Tấn P, ông Nguyễn Trần Tấn T1, ông Nguyễn Trần Tấn Đ, ông Nguyễn Trần Tấn D, bà Nguyễn Trần Thị Cẩm H2 trình bày:* Các ông bà thống nhất ý kiến khởi kiện của ông Nguyễn Trần Tấn H.

** Tại Văn bản số 43/NLS ngày 22/11/2024, Công ty Cổ phần N2 trình bày:* Đối với diện tích đất thuộc thửa đất 726, diện tích 31.394m², tờ bản đồ địa chính số 13 (*tờ bản đồ địa chính khu đất số 1*), loại đất RSX, xã H Công ty đã bàn giao cho UBND tỉnh theo các quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh. Do đó, liên quan đến thửa đất này, phía Công ty không còn liên quan.

** Tại Văn bản số 1193/TTQĐ-BT ngày 03/7/2025, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi trình bày:* Đối với việc lập phương án, trình UBND huyện N phê duyệt đối với các thửa đất thuộc xã H, trong đó có thửa đất 726 ông Nguyễn Trần Tấn H khởi kiện là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2025/HC- ST ngày 28/7/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trần Tấn H về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy một phần Quyết định số 6422/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 của UBND huyện N về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm C - H, huyện N; trong đó có phần diện tích đất thu hồi thửa đất số 726, tờ bản đồ số 13 (tờ bản đồ địa chính khu đất số 1), diện tích 31.394m², loại đất RSX, xã H (diện tích thuộc Dự án là: 27.625,2m²).

- Hủy một phần Quyết định số 6410/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 của UBND huyện N về việc phê duyệt phương án, dự toán bồi thường, hỗ trợ Dự án Cụm C - H, huyện N; trong đó có phần diện tích đất thu hồi thửa đất số 726, tờ bản đồ số 13 (tờ bản đồ địa chính khu đất số 1), diện tích 31.394m², loại đất RSX, xã H (diện tích thuộc Dự án là: 27.625,2m²).

- Hủy Quyết định số 2441/QĐ-UBND ngày 01/07/2024 của UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Trần Tấn H.

- Buộc UBND huyện N thực hiện nhiệm vụ công vụ lập thủ tục thu hồi, bồi thường, hỗ trợ về đất đối với thửa đất 726, tờ bản đồ số 13, xã H cho ông Nguyễn Trần Tấn H theo đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 11/8/2025, người khởi kiện ông Nguyễn Trần Tấn H kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm: người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo

Đại Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 27/10/2023, UBND huyện N ban hành Quyết định số 6422/QĐ-UBND thu hồi đất để thực hiện Dự án Cụm C-H, thuộc huyện N, nội dung thu hồi 99.766,2m² đất thuộc 15 thửa đất, tại tờ bản đồ địa chính số 13 (tờ bản đồ địa chính khu đất số 1), trong đó có thửa đất số **726**, diện tích 31.394m², loại đất RSX, diện tích thu hồi 27.625,2m² đang do gia đình ông Nguyễn Trần Tấn H quản lý, sử dụng; cùng ngày, UBND huyện N ban hành Quyết định số 6410/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, theo đo giá bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông H bị thu hồi thửa đất số 726 là **0 đồng**. Theo Báo cáo số 369/BC-TTPTQĐ của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Ngãi thì lý do không bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông H vì tại Công văn 179/UBND ngày 03/07/2023 của UBND xã H cho biết: “*Nguyên thửa đất là đất rừng 388 của Công ty N2 được UBND tỉnh thu hồi tại Quyết định thu hồi số 529/QĐ- UBND ngày 19/10/2016 giao cho UBND xã quản lý và phân chia lại cho dân; hộ ông Nguyễn Trần Tấn H (con bà Trần Thị T - H) chiếm sử dụng trồng cây; Hiện UBND xã chưa phân chia, giao lại cho dân*”. Ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án

giải quyết hủy một phần Quyết định số 6422/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 và hủy một phần Quyết định số 6410/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 của UBND huyện N vì thu hồi đất của gia đình ông H mà không bồi thường, hỗ trợ để UBND huyện N ban hành lại các Quyết định thu hồi, hỗ trợ, bồi thường cho gia đình ông H theo đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H, ông H kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H.

[2] Xét, ngày 27/10/2023, UBND huyện N ban hành Quyết định số 6422/QĐ-UBND về thu hồi đất và Quyết định số 6410/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi thửa đất số 726 do gia đình ông H đang quản lý, sử dụng, nhưng không bồi thường, hỗ trợ là không có cơ sở, không đúng pháp luật, bởi lẽ:

[2.1] *Thứ nhất:* Tại Công văn số 179/UBND ngày 27/3/2023 của UBND xã H xác định: “*Nguyên thừa đất là đất rừng 388 của Công ty N2 được UBND tỉnh thu hồi tại Quyết định thu hồi số 529/QĐ- UBND ngày 19/10/2016 giao cho UBND xã quản lý và phân chia lại cho dân; hộ ông Nguyễn Trần Tấn H (con bà Trần Thị T - H) chiếm sử dụng trồng cây; Hiện UBND xã chưa phân chia, giao lại cho dân*” (bút lục 388) là không có cơ sở, mâu thuẫn với các tài liệu khác, cụ thể: Tại Báo cáo số 77 ngày 27/05/2024 của UBND xã H (bút lục 143) thể hiện Công ty N2 quản lý toàn bộ diện tích đất thuộc các mảnh bản đồ địa chính số 659581, 65984, 662581 mà mảnh bản đồ địa chính số **662581** gồm các tờ bản đồ số **13**, 17, 18, 20. Như vậy, toàn bộ tờ bản đồ số 13 do Công ty N2 quản lý, nhưng Danh mục đính kèm Công văn 179 thì có đến 24 hộ dân thuộc tờ bản đồ số **13** được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bút lục 335, 336) và được bồi thường, hỗ trợ khi UBND huyện N thu hồi đất, nhưng riêng hộ gia đình ông H quản lý, sử dụng thửa đất số **726** tờ bản đồ số **13** lại không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không được bồi thường, hỗ trợ khi bị thu hồi đất là không phù hợp với thực tế sử dụng đất, nguồn gốc sử dụng đất.

Đối với 24 hộ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại tờ bản đồ số 13, được hỗ trợ, bồi thường khi thu hồi đất thì nguồn gốc sử dụng đất ghi tại Danh mục thể hiện có 15 hộ dân được nhà nước giao đất năm 1993, 09 hộ dân không ghi thời điểm được giao đất. Trong khi đó, Công ty N2 tiền thân là Lâm trường N3 thành lập năm 1977 theo Quyết định số 171/QĐ/TC của UBND tỉnh N; sau chuyển thành Công ty N2 ngày 08/11/1992 và đến ngày 13/01/1997 chuyển thành Công ty N2 (bút lục 319, 317, 315); như vậy, toàn bộ các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 13, thuộc mảnh bản đồ địa chính **662581** được Lâm trường Nghĩa Bình quản lý từ năm 1977 và Công ty N2 quản lý từ năm 1992 là trước thời điểm nhà nước giao đất cho dân nên nếu xác định thửa đất 726 tờ bản đồ số 13 là đất của Công ty N2 thì nhà nước giao đất cho 24 hộ dân và họ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là sai, là mâu thuẫn về chứng cứ.

[2.2] *Thứ hai:*

Ủy ban nhân dân xã H không quản lý thửa đất **726** tờ bản đồ số **13** trên thực tế và trên hồ sơ, nên không có cơ sở để xác định hộ gia đình ông Nguyễn Trần Tấn H chiếm sử dụng trái phép thửa đất **726**, cụ thể: Theo quy định của Luật Đất đai thì trước năm 1993 thẩm quyền giao đất cho Lâm trường thuộc UBND cấp tỉnh. Lâm trường N thành lập năm 1977, được UBND tỉnh N chỉ đạo UBND huyện cùng với T3 Lâm nghiệp xác định vị trí và được giao quản lý 6.191 ha đất. Năm 2000 Công ty N2 tiếp

nhận thì chỉ nhận 783,2 ha đất của Lâm trường Nghĩa Hành, đất còn lại của Lâm trường Nghĩa Hành bị bỏ hoang 5.407,8 ha, điều này thể hiện rõ tại Biên bản làm việc ngày 19/4/2024 của Thanh tra huyện N, ông N1 (Giám đốc Công ty N2 thành lập ngày 13/01/1997) cho biết: *“Việc tiếp nhận đất từ lâm trường cũ sang Công ty chỉ có **783,2 ha** đã có cây trồng để sản xuất theo Tờ trình số 22/TT-NLS ngày 16/10/2000 chứ không phải nhận toàn bộ của Lâm trường cũ quản lý là **6.191 ha** vì các diện tích còn lại của Lâm trường chủ yếu là đất trống, đồi núi trọc nên Công ty không nhận”* (bút lục 110). Như vậy, UBND xã H qua các thời kỳ không phải là đơn vị giao đất cho Lâm trường N3 hay cho Công ty N2 sau này.

Mặt khác, tại Báo cáo số 77 ngày 27/05/2024 của UBND xã H (bút lục 143) thể hiện UBND xã H không thực hiện giao nhận đất trên thực địa và không quản lý hồ sơ các thửa đất được nhận bàn giao, cụ thể: điểm 4 Mục I ghi: *“UBND xã Hành Đức chưa tìm thấy tài liệu hay biên bản bàn giao đất theo Quyết định số thu hồi số 529 và Quyết định thu hồi đất số 1196 và biên bản bàn giao đất ngoài thực địa giữa Công ty N2 và UBND xã H”*; điểm 5 Mục II ghi: *“UBND xã Hành Đức chưa tìm thấy tài liệu hay biên bản bàn giao đất, bản đồ và biên bản bàn giao đất ngoài thực địa lưu tại xã. Cho nên việc quản lý các thửa đất đã có Quyết định thu hồi gặp nhiều khó khăn”*; điểm 1 Mục I ghi: *“Theo Bản đồ 1999 không thể hiện vị trí thửa đất”*. Như vậy, xét về thực tế UBND xã H không giao đất cho Công ty N2, đồng thời, UBND xã H không nhận bàn giao đất thực địa, không có Biên bản tiếp nhận từ Công ty N2, không quản lý được các thửa đất, không xác định được vị trí của thửa đất. Hơn nữa, tại Công văn số 179/UBND ngày 27/3/2023 của UBND xã H xác định thửa đất **726** này thuộc địa giới xã H, không thuộc địa giới xã H. Vì vậy, Công văn số 179/UBND ngày 27/3/2023 của UBND xã H xác định hộ gia đình ông H chiếm dụng trái phép thửa đất 726 của UBND xã H để sử dụng trồng cây là không đúng.

[2.3] *Thứ ba:* Tại Biên bản làm việc ngày 19/4/2024 ghi *“Việc tiếp nhận đất từ lâm trường cũ sang Công ty chỉ có **783.2 ha** đã có cây trồng để sản xuất theo Tờ trình số 22/TT-NLS ngày 16/10/2000 chứ không phải nhận toàn bộ của Lâm trường cũ quản lý là **6.191 ha** vì các diện tích còn lại của L trường chủ yếu là đất trống, đồi núi trọc nên Công ty không nhận”* (bút lục 110), như vậy, Công ty N2 chỉ quản lý 783,2 ha, còn lại 5.407,8 ha bỏ hoang từ năm 2000. Mặt khác, tổng diện tích đất UBND tỉnh Q thu hồi của Công ty N2 giao cho UBND các xã quản lý theo Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 13/02/2009 (351,65ha) và Quyết định số 529/QĐ-UBND ngày 19/10/2026 (237,4626 ha) là 589,1126 ha; trong khi Công ty N2 quản lý 783,2ha, nên còn lại 194,0874 ha đất nằm ngoài diện tích đất UBND tỉnh Q thu hồi của Công ty N2 giao cho các xã là đất hoang. Như vậy, 5.407,8 ha đất bỏ hoang từ năm 2000, ít nhất là 194,0874 ha đất lúc trước do Công ty N2 quản lý không bị UBND tỉnh thu hồi là đất hoang; do đó, những người trong đó có hộ ông Nguyễn Văn S (tiếp đó là ông Nguyễn Trần Tấn H là con ông S) vào khai phá, sử dụng đất hoang không bị coi là lấn chiếm trái phép nên Công văn số 179/UBND ngày 27/3/2023 của UBND xã H cho rằng hộ gia đình ông S, ông H sử dụng lấn chiếm thửa đất 726 của UBND xã H là không có cơ sở.

[2.4] *Thứ tư:* Hộ gia đình ông S (tiếp đó là ông H con ông S) đã sử dụng thửa đất số **726**, tờ bản đồ số **13** liên tục từ năm 1987 đến nay không bị xử phạt về vi phạm đất đai, UBND xã không xác định được có quản lý diện tích đất gia đình ông H sử

dụng hay không? Ngày 16/01/2009, ông Nguyễn Văn S còn mua lại toàn bộ cây đào với diện tích 19ha tại rừng Y (vùng H) thôn K, xã H của Công ty cổ phần N2 với giá 30 triệu đồng có lập *Giấy mua bán rừng đào* được ông Huỳnh C (Giám đốc Công ty N2) ký duyệt đồng ý bán (bút lục 376) là phần diện tích đất hiện nay gia đình ông H canh tác trồng keo liên tục đến nay, không có tranh chấp. Điều 140 Luật Đất đai năm 2024 quy định: “*Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trước 01/7/2004 và không vi phạm về luật đất đai...*” thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Điều 5, Điều 101 Luật Đất đai năm 2013, khoản 3 Điều 23 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đã được giao không đúng thẩm quyền. Điều 13 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP khi thu hồi đất (kể cả trong trường hợp người sử dụng đất không có giấy tờ về đất đai, hoặc giao đất không đúng thẩm quyền) và theo quy định tại Điều 88 Luật Đất đai 2013 quy định về nguyên tắc bồi thường thiệt hại về tài sản, ngừng sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất có thể hiện rõ, khi nhà nước thu hồi đất mà chủ sở hữu tài sản hợp pháp gắn liền với đất bị thiệt hại về tài sản. Như vậy, hộ gia đình ông H có hộ khẩu thường trú tại địa phương, trực tiếp sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp (cụ thể ở đây trồng cây lâu năm - cây keo), sử dụng ổn định liên tục không có tranh chấp, không bị xử phạt hành chính nên theo các quy định trên của pháp luật thì hộ gia đình ông H phải được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (kể cả trong trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền) và được bồi thường, hỗ trợ về đất đối với phần diện tích đất bị thu hồi và tài sản trên đất; tuy nhiên, hộ gia đình ông H và 24 hộ dân cùng sử dụng đất tại tờ bản đồ số **13** thì 24 hộ dân được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bút lục 335, 336) và được bồi thường, hỗ trợ khi UBND huyện N thu hồi đất, nhưng riêng hộ gia đình ông H quản lý, sử dụng thửa đất số **726** tờ bản đồ số **13** lại không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không được bồi thường, hỗ trợ khi bị thu hồi đất là không phù hợp với thực tế sử dụng đất, nguồn gốc sử dụng đất, không đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình ông H.

[5] Từ các mục trên, xét Quyết định số 6422/QĐ-UBND và Quyết định số 6410/QĐ-UBND cùng ngày 27/10/2023 của UBND huyện N về phần thu hồi thửa đất số **726**, tờ bản đồ số **13** của gia đình ông H mà không bồi thường, hỗ trợ là không đúng pháp luật; do Quyết định số 6422/QĐ-UBND và Quyết định số 6410/QĐ-UBND không đúng pháp luật nên Quyết định giải quyết khiếu nại số 2441/QĐ-UBND ngày 01/7/2024 của Chủ tịch UBND huyện N trả lời không chấp nhận khiếu nại của ông H cũng là không đúng. Vì các lẽ trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông H, sửa Bản án hành chính sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trần Tấn H hủy một phần Quyết định số 6422/QĐ-UBND và hủy một phần Quyết định số 6410/QĐ-UBND cùng ngày 27/10/2023 của UBND huyện N về phần thu hồi thửa đất số **726**, tờ bản đồ số **13** của gia đình ông H mà không bồi thường, hỗ trợ và hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 2441/QĐ-UBND ngày 01/7/2024 của Chủ tịch UBND huyện N; buộc UBND huyện N (nay kế thừa là UBND xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi) thực hiện lại trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất cho gia đình ông H theo đúng quy định của pháp luật.

[6] Theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì UBND xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi phải chịu án phí

hành chính sơ thẩm; ông H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241, Điều 242 Luật Tổ tụng hành chính, chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Trần Tuấn H3, sửa toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 09/2025/HC-ST ngày 28/7/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi như sau:

Áp dụng Điều 62, 63, 69, 71, 74, 75, 76, 77, 83 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 140 của Luật Đất đai năm 2024; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Q Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Hủy một phần Quyết định số 6422/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 của UBND huyện N và hủy một phần Quyết định số 6410/QĐ-UBND ngày 27/10/2023 của UBND huyện N về việc thu hồi thửa đất số 726, diện tích 31.394m², loại đất RSX, tờ bản đồ địa chính số 13, xã H (diện tích quy hoạch thu hồi là 27.625,2m²) để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Cụm C - H, huyện N, địa điểm xã H, huyện N, nhưng không thực hiện trình tự, thủ tục thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ cho ông Nguyễn Trần Tấn H.

2. Hủy Quyết định số 2441/QĐ-UBND ngày 01/07/2024 của UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Trần Tấn H.

3. Buộc UBND huyện N (nay là UBND xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi) thực hiện nhiệm vụ công vụ lập thủ tục thu hồi, bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi thửa đất số 726, diện tích 31.394m², loại đất RSX, tờ bản đồ địa chính số 13, xã H (diện tích quy hoạch thu hồi là 27.625,2m²) cho ông Nguyễn Trần Tấn H theo đúng quy định của pháp luật.

4. Về án phí hành chính sơ thẩm:

UBND xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi phải chịu 300.000 đồng.

H4 lại cho ông Nguyễn Trần Tấn H 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004560 ngày 09/10/2024 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

5. Về án phí hành chính phúc thẩm: H4 lại cho ông Nguyễn Trần Tấn H 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0001006 ngày 05/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thường